TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HS-PT
Ngày: 01-10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn
Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt; Ông Tôn Văn Thông
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 65/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Văn Gi do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Bùi Văn Gi , sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp H , xã T , huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hồng C; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số 104/20214/HSST ngày 03/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về "Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 24/11/2020, Bùi Văn Gi đi bộ đến quán của chị Phan Thị Thanh L uống nước, thấy chị Bùi Thị Bé Ch sinh năm 1976, cư trú ấp TT, xã TB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre điều khiển xe mô tô biển kiểm soát xxBx.xxx.xx(trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe xxBx.xxx.xx và 01 giấy phép lái xe của chị C , 01 giấy đăng ký xe BKS 71B2-290.54 của chồng chị C , 01 giấy phép lái xe của con chị C) đến tiệm tạp hóa B , thuộc ấp TT, xã TB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mua đồ, chị C để xe trước cửa tiệm, ổ khóa còn gắn chìa khóa, Bùi Văn Gi

quan sát thấy xe không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm, G lén lút đi đến vị trí đậu xe nổ máy điều khiển đến thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam cầm xe cùng giấy đăng ký trộm được cho chị Nguyễn Thị Phi Y để lấy xe mô tô biển kiểm soát xxB.xxx.xx của G cầm trước đó, các giấy tờ khác trong xe G bỏ mất. Quá trình điều tra Bùi Văn Gi đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng:

- Nguyễn Thị Phi Y giao nộp: 01 xe mô tô biển kiểm soát xxB.xxx.xx, số máy x, số khung x; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 198352, biển số xxBx.xxx.xx(thuộc sở hữu của Bùi Thị Bé Ch và đã trả).

- Bùi Văn Gi giao nộp: 01 quần dài, vải màu đen; 01 áo sơ mi loại tay dài, vài màu xanh nhạt có chữ T-STORE; 01 túi đeo bằng da, có dây đeo bằng vải màu xám; 01 đôi dép bằng nhựa màu trắng (Thuộc sở hữu của bị cáo và đã trả).

- Lê Văn Kh giao nộp 01 đĩa DVD chứa đoạn video ghi hình nam thanh niên lấy xe mô tô để trước cửa hàng anh Kh đang tạm giữ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản 217/KL-HĐĐG ngày 04/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mỏ Cày Bắc kết luận: 01 xe mô tô hai bánh biển kiểm soát xxB.xxx.xx, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn xanh đen bạc, số máy x, số khung x, trị giá ngày 24/11/2020 là 16.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Bùi Văn Gi phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Gi 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/6/2021, bị cáo Bùi Văn Gi kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Văn Gi 09 (chín) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản".

Bị cáo nói lời sau cùng: yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo lo cho gia đình đang gặp khó khăn, cha bị cáo bị bệnh mới xuất viện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: với động cơ vụ lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân nên khoảng 12 giờ 15 phút ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại ấp TT, xã TB, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Bùi Văn Gi đã lén lút chiếm đoạt của chị Bùi Thị Bé Ch 01 xe mô tô biển số xxB.xxx.xx, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn xanh đen bạc, số máy x, số khung x, trị giá 16.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được giảm hình phạt, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại các điểm h và s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp giấy ra viện của ông Bùi Văn Đ, một giấy xác nhận có nội dung bị cáo là cháu cố ngoại của liệt sĩ ông Nguyễn Văn Th. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, song qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân, cho thấy bị cáo đã bị kết án về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhưng không chịu cải sửa bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều đó đã minh chứng rằng, bị cáo là người khó cải tạo giáo dục nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ

nguy hiểm cho xã hội của hành vi, hậu quả của tội phạm, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản" là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn Gi 09 (chín) tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm Bùi Văn Gi phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc (3b);
- Công an và VKSND h. Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T , h.Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn